

Số: **1721**/QĐ-BNN-KHCN

*Hà Nội, ngày 01 tháng 8 năm 2011*

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt dự án khuyến nông Trung ương: “Sản xuất rau theo tiêu chuẩn VietGAP tại các tỉnh Bắc Giang, Ninh Bình, Nghệ An, Phú Thọ, Đồng Tháp”**

#### **BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 và Nghị định 75/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08/01/2010 của Chính phủ về khuyến nông;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Bộ Tài chính-Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến nông;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường; Vụ trưởng Vụ Tài chính,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phê duyệt dự án khuyến nông Trung ương với các nội dung sau:**

1. Tên dự án: Sản xuất rau theo tiêu chuẩn VietGAP tại các tỉnh Bắc Giang, Ninh Bình, Nghệ An, Phú Thọ, Đồng Tháp.

2. Tổ chức chủ trì Dự án: Cục Quân nhu - Tổng cục Hậu cần – BQP.

3. Chủ nhiệm dự án: Lê Thành Vinh.

4. Địa điểm thực hiện: CHC/QĐ1: (Lũ 241: Ninh Bình, e202: Ninh Bình); CHC/QK4: (e654: Nghệ An, e1/f324: Nghệ An); f3/QK1: (e2/f3: Bắc Giang, e141/f3: Bắc Giang); f8/QK9: (e9/f8: Đồng Tháp, e2/f8: Đồng Tháp); f325/QĐ2: (e101/f325: Bắc Giang, e18/f325: Bắc Giang); CHC/QK2: (Lũ 297: Phú Thọ, Lũ 168: Phú Thọ).

5. Thời gian thực hiện dự án: 3 năm (2011 - 2013)

6. Mục tiêu dự án:

6.1 Mục tiêu tổng quát: Đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và sức khỏe cho bộ đội, nâng cao trình độ sản xuất rau an toàn và chất lượng sản phẩm, cải thiện đời sống bộ đội.

6.2 Mục tiêu cụ thể:

- Xây dựng được 12 điểm trình diễn tại 12 đơn vị quân đội đóng quân ở 5 tỉnh để sản xuất 5 loại rau an toàn chủ lực trên quy mô 4 ha/năm, năng suất đạt 100 tấn/ha.

- Mở 12 lớp đào tạo trong 3 năm (mỗi năm 4 lớp, mỗi lớp 30 người, thời gian 4 ngày) cho 360 lượt cán bộ giám sát của 12 điểm mô hình trình diễn có đủ năng lực hướng dẫn bộ đội thực hành và giám sát thực hiện đầy đủ hướng dẫn VietGAP.

- Tập huấn nâng cao năng lực của cán bộ, chiến sỹ trong việc tiếp nhận và triển

khai VietGAP. Tổ chức lớp tập huấn kỹ thuật trồng 5 loại rau, mỗi điểm 2 lần, mỗi lần 1 ngày, mỗi lớp 30 người cho 12 điểm trình diễn; tổng số 24 lớp huấn luyện cho 720 lượt cán bộ, chiến sỹ và nhân dân địa phương quanh khu vực đơn vị đóng quân có đủ năng lực ứng dụng VietGAP trong sản xuất rau an toàn.

- Tổ chức 6 hội nghị hội thảo, thăm quan cho 600 lượt chiến sỹ các đơn vị quân đội gần khu vực và nhân dân địa phương được thăm quan, học tập và trao đổi kinh nghiệm về sản xuất rau theo tiêu chuẩn VietGAP.

7. Nội dung, kinh phí và tiến độ thực hiện dự án (theo Phụ lục đính kèm).

8. Tổng kinh phí dự án: 900.000.000 đ.

(*Bằng chữ: Chín trăm triệu đồng*)

**Điều 2.** Tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm dự án chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện, quản lý dự án và báo cáo Bộ theo đúng quy định hiện hành.


**Điều 3:** Quyết định này thay thế mục 11 phần III, Chương trình Khuyến Nông Trung ương tại phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 721/QĐ-BNN-KHCN ngày 09 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt danh mục các dự án khuyến nông Trung ương thực hiện từ năm 2011 (đợt 2).

**Điều 4.** Chánh văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Vụ trưởng Vụ Tài chính, chủ nhiệm dự án và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

*Nơi nhận:*

- Như Điều 4;
- TTKNQ;
- Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch;
- Lưu VT, KHCN.

KT. BỘ TRƯỞNG  
THỦ TRƯỞNG

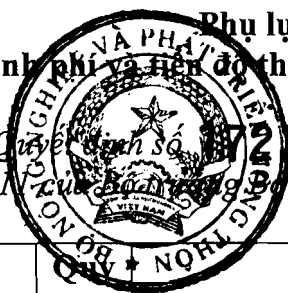


*Bùi Bá Bổng*

Bùi Bá Bổng

**Phụ lục**  
**Nội dung, kinh phí và tiến độ thực hiện dự án khuyến nông**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 72/QĐ-BNN-KHCN ngày 01 tháng 8 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)



TT	Nội dung	mô	Địa điểm	Kinh phí (nghìn đồng)	Ghi chú
	Năm 2011	20 ha	CHC/QĐ1: (Lũ 241: Ninh Bình, e202: Ninh Bình); CHC/QK4: (e654: Nghệ An, e1/f324: Nghệ An).	300.000	
1	Xây dựng mô hình - Hỗ trợ giống, vật tư - Khác			221.100 162.380 58.720	
2	Đào tạo tập huấn			52.000	
3	Thông tin tuyên truyền			20.000	
4	Chi khác (3%)			6.900	
	Năm 2012	20 ha	f3/QK1: (e2/f3: Bắc Giang, e141/f3: Bắc Giang); f8/QK9: (e9/f8: Đồng Tháp, e2/f8: Đồng Tháp);	300.000	
1	Xây dựng mô hình - Hỗ trợ giống, vật tư - Khác			221.100 162.380 58.720	
2	Đào tạo tập huấn			52.000	
3	Thông tin tuyên truyền			20.000	
4	Chi khác (3%)			6.900	
	Năm 2013	20 ha	f325/QĐ2: (e101/f325: Bắc Giang, e18/f325: Bắc Giang); CHC/QK2: (Lũ 297: Phú Thọ, Lũ 168: Phú Thọ).	300.000	
1	Xây dựng mô hình - Hỗ trợ giống, vật tư - Khác			221.100 162.380 58.720	
2	Đào tạo tập huấn			52.000	
3	Thông tin tuyên truyền			20.000	
4	Chi khác (3%)			6.900	

12